

HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ TRONG VỤ ÁN MUA BÁN NGƯỜI

LƯƠNG HẢI YẾN*

Trong những năm gần đây, tình hình tội phạm mua bán người diễn biến hết sức phức tạp và có chiều hướng gia tăng về số vụ, tính chất nghiêm trọng với phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn, xã hội. Để công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người đạt hiệu quả nhằm đảm bảo mọi hành vi phạm tội đều phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật, không làm oan người vô tội hoặc bỏ lọt tội phạm việc đánh giá chứng cứ để chứng minh sự thật vụ án phải đảm bảo tính khách quan, toàn diện và đầy đủ. Trong phạm vi bài viết này, tác giả đề cập đến những vấn đề cốt lõi nhất về hoạt động đánh giá chứng cứ trong vụ án mua bán người theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Từ khóa: Chứng cứ, đánh giá chứng cứ, vụ án mua bán người.

Ngày nhận bài: 08/7/2020; Ngày biên tập xong: 13/7/2020; Ngày duyệt đăng: 13/7/2020

Recently, situation of human trafficking crimes is very complicated and tends to increase in number of cases and nature with increasingly sophisticated methods and modus operandi that adversely affecting the social order and security. In order to prevent and fight against human trafficking to be effective to ensure that all offenses must be strictly handled, not to injustice innocent people or neglect crimes, the evaluation of evidence must be objective, comprehensive and complete. Within this paper, the author mentions main issues in evaluation of evidence in human trafficking cases in accordance with the laws of Vietnam.

Keywords: Evidence, evidence's evaluation, human trafficking cases.

1. Khái niệm, đặc điểm chứng cứ trong vụ án mua bán người

Vụ án mua bán người là vụ việc có tính hình sự đã được phát hiện, có dấu hiệu của tội phạm mua bán người được quy định trong Bộ luật hình sự do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện nhằm mục đích vụ lợi; bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác mà các cơ quan có thẩm quyền phải kiểm tra, xác minh và khởi tố điều tra theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án mua bán

người, các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải sử dụng rất nhiều chứng cứ được thu thập, đánh giá để chứng minh làm sáng tỏ sự thật vụ án. Là phương tiện để chứng minh, chứng cứ chính là vấn đề cốt lõi của quá trình tố tụng được các chủ thể có thẩm quyền sử dụng làm công cụ sắc bén trong đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm mua bán người nói riêng.

“Chứng cứ là những gì có thật, được thu thập theo trình tự thủ tục do Bộ luật này quy

** Tiến sĩ, Phó trưởng Khoa Tội phạm học và Điều tra tội phạm, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội*

định, được dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án”¹.

Nguồn chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự gồm: Vật chứng; Lời khai, lời trình bày; Dữ liệu điện tử; Kết luận giám định, định giá tài sản; Biên bản trong hoạt động khởi tố, điều tra, xét xử, thi hành án; Kết quả thực hiện ủy thác và hợp tác quốc tế; Các tài liệu đồ vật khác.

Thông tin, tài liệu để được coi là chứng cứ phải đảm bảo các thuộc tính đó là: Tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp.

- Tính khách quan: Những thông tin, tài liệu đó phải có thật và phản ánh trung thực tình tiết của vụ án;

- Tính liên quan: Những thông tin, tài liệu này phải là cơ sở để xác định sự tồn tại hay không tồn tại của những vấn đề cần chứng minh được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS);

- Tính hợp pháp: Những thông tin, tài liệu phải được thu thập, kiểm tra, đánh giá theo quy định của pháp luật và phải được xác định từ các nguồn chứng cứ được quy định trong BLTTHS.

Như vậy, *chứng cứ trong các vụ án mua bán người là những gì có thật được thu thập theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, có giá trị chứng minh hành vi chuyển giao hoặc tiếp nhận người; tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người khác để chuyển giao, tiếp nhận người với mục đích vụ lợi; bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác cũng như các tình tiết có ý nghĩa xác định sự thật vụ án mua bán người nhằm chứng minh tội phạm và bảo đảm cho việc xử lý được đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.*

¹ Quốc hội (2015), Bộ luật tố tụng hình sự (Điều 86), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Chứng cứ trong các vụ án mua bán người có những đặc điểm sau:

- Chứng cứ trong vụ án mua bán người được thu thập thông qua nguồn tố giác tin báo tội phạm; lời khai của đối tượng tình nghi; người làm chứng; người bị hại...

- Chứng cứ chứng minh đối tượng phạm tội dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc bằng bất cứ thủ đoạn nào chuyển giao hoặc tiếp nhận người khác để nhằm giao, nhận tiền, tài sản, hoặc lợi ích vật chất.

- Chứng cứ chứng minh đối tượng dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc bằng bất cứ thủ đoạn nào chuyển giao, tiếp nhận người khác để nhằm bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác.

- Chứng cứ chứng minh đối tượng dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc bằng bất cứ thủ đoạn nào tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người khác để sau đó sẽ chuyển giao hoặc tiếp nhận người khác nhằm bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác.

- Chứng cứ chứng minh đối tượng dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc bằng bất cứ thủ đoạn nào tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người khác để sau đó sẽ chuyển giao hoặc tiếp nhận người khác nhằm bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác.

- Chứng cứ chứng minh tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi theo quy định tại Điều 151 Bộ luật hình sự (BLHS) năm 2015 giống chứng cứ chứng minh tội phạm mua bán người quy định tại Điều 150. Để phân biệt tội phạm thuộc điều luật nào, phải chứng minh tuổi của người bị mua bán dưới 16 tuổi hay từ đủ 16 tuổi trở lên.

Ngoài ra, chứng cứ trong vụ án mua bán người còn làm rõ:

- Có hành vi Mua bán người xảy ra hay không, các yếu tố cấu thành tội Mua bán người;

- Thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội: Thời gian một người bị tuyên mộ, rủ rê lôi kéo, vận chuyển, bóc lột, giải cứu và các địa điểm xảy ra;

- Xác định độ tuổi, năng lực trách nhiệm hình sự, quốc tịch; mục đích, động cơ phạm tội của người thực hiện hành vi phạm tội: có hay không lợi ích vật chất thu được từ hành vi mua bán người;

- Tình tiết định khung tăng nặng tại Khoản 2, 3 Điều 150, 151 BLHS; Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự tại Điều 51, 52 BLHS;

- Tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi mua bán người gây ra, xác định tổn thương cơ thể, tinh thần của nạn nhân; những thiệt hại về vật chất (nếu có); số lượng nạn nhân...;

- Nguyên nhân và điều kiện phạm tội, xác định tình huống, hoàn cảnh tội phạm cụ thể: có hay không sự đồng thuận của nạn nhân, mối quan hệ giữa nạn nhân và người thực hiện hành vi phạm tội...;

- Các tình tiết khác liên quan đến việc loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt; chứng cứ để chứng minh vị trí, vai trò của từng bị can, bị cáo trong trường hợp đồng phạm hoặc phạm tội có tổ chức...

2. Hoạt động đánh giá chứng cứ trong vụ án mua bán người

Đánh giá chứng cứ các vụ án mua bán người là quá trình tư duy của những người có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự bằng cách quan sát, xem xét, phân tích, so sánh đối chiếu

những chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các vụ án mua bán người để xác định các thuộc tính của chứng cứ và giá trị chứng minh của chứng cứ so với yêu cầu chứng minh tội phạm làm căn cứ cho việc giải quyết các vụ án mua bán người.

Việc đánh giá chứng cứ trong các vụ án mua bán người nhằm:

- Kiểm tra các nguồn chứng cứ đã thu thập được chứng cứ xem có hợp pháp hay không hợp pháp;

- Nội dung thông tin phản ánh từ nguồn chứng cứ có giá trị thế nào trong việc chứng minh vụ án mua bán người;

- Xác định sự cần thiết phải kiểm tra, xác minh, củng cố, bổ sung chứng cứ so với yêu cầu giải quyết vụ án.

2.1. Chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội mua bán người

2.1.1. Chuyển giao hoặc tiếp nhận người

Hành vi chuyển giao hoặc tiếp nhận người để giao nhận tiền, tài sản hoặc vì lợi ích vật chất khác hoặc để bóc lột tình dục; cưỡng bức lao động; lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân; vì mục đích vô nhân đạo khác được coi là cấu thành tội phạm trong vụ án mua bán người. Để chứng minh được những vấn đề trên, các cơ quan có thẩm quyền phải thu thập thông tin từ lời khai của đối tượng tình nghi, của bị can, người làm chứng, bị hại để làm rõ việc các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội đã đe dọa dùng vũ lực, dùng lực, tác động bằng ngoại lực vào cơ thể của người bị hại để giao, nhận hoặc gây thương tích; gây tổn hại cho sức khỏe và tinh thần của bị hại cùng với những vật chứng của vụ án như bằng ghi âm, ghi hình, tin nhắn điện thoại thể hiện việc trao đổi, bàn bạc, thể hiện việc ép buộc bị hại lao động, quan hệ tình dục trái ý muốn, ép buộc tinh thần,

ràng buộc về các điều kiện vật chất đối với bị hại; giấy biên nhận tiền của các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội; kết quả giám định thương tích của bị hại...

2.1.2. *Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người để chuyển giao*

- *Tuyển mộ*

Để xác định hành vi tuyển mộ của đối tượng phạm tội, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải tiến hành các biện pháp điều tra nhằm thu thập, đánh giá các chứng cứ thể hiện rõ nét các hành vi của đối tượng. Cụ thể như thực hiện việc lấy lời khai của nạn nhân, người làm chứng, tiếp nhận nguồn tin do quần chúng nhân dân cung cấp, những tài liệu, giấy tờ thể hiện việc tuyển mộ công khai hoặc những giấy tờ khác thể hiện việc tuyển mộ như: giấy tờ cho và nhận con nuôi, đơn xin kết hôn, giấy đăng ký kết hôn với người nước ngoài, giấy tờ liên quan khác như: Chứng minh nhân dân, hộ chiếu, giấy thông hành qua biên giới, giấy xin đăng ký tạm trú...

- *Vận chuyển*

Chứng cứ thể hiện rõ nhất việc vận chuyển mà những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần phải thu thập và đánh giá chính là các giấy tờ được các đối tượng phạm tội sử dụng để di chuyển như: hộ chiếu hoặc chứng minh thư nhân dân, tài liệu thị thực, thẻ hạ cánh hoặc xuất cảnh, giấy tờ đi lại, thẻ lên tàu bay, vé tàu, xe, hợp đồng thuê xe... Bên cạnh đó, cũng cần lưu ý đối với những tài liệu thể hiện hướng di chuyển của đối tượng và nạn nhân như: khu vực nhà ga, xe ôm, taxi, chủ khách sạn, phòng trọ... Những chứng cứ này có thể thu thập qua lời khai của người làm chứng; lời khai của nạn nhân; qua hoạt động nhận dạng người; qua việc trích xuất hình ảnh camera an

ninh tại các sân bay, nhà ga, bến xe, trạm xăng, camera hành trình của các phương tiện trên tuyến đường...

- *Chứa chấp*

Chứng cứ mà các cơ quan có thẩm quyền chứng minh có hành vi chứa chấp chính là lời khai của người bị hại, bị can, người làm chứng về địa điểm bị hại được đưa đến, ai là người đưa bị hại đến, thời gian bị hại ở đó; ở cùng ai...

2.1.3. *Giai đoạn bóc lột*

Ở giai đoạn này, chứng cứ được xác định qua tài liệu thể hiện việc bóc lột chiếm vai trò quan trọng nhất trong các tài liệu dùng để chứng minh hành vi phạm tội. Các chứng cứ thể hiện giai đoạn bóc lột có thể được phát hiện như:

- Các giấy tờ liên quan đến việc mua bán, thuê hoặc cho thuê của bất kỳ cơ sở được sử dụng để bóc lột nạn nhân như nhà máy, nhà hàng, mạng lưới các toà nhà, mỏ khai khoáng, đơn vị bệnh viện tư nhân, phòng thí nghiệm và bất kỳ cơ sở riêng biệt dùng làm chỗ ở cho các đối tượng phạm tội và nạn nhân... Bên cạnh đó, cũng có các tài liệu như các hợp đồng, phương thức thanh toán... Đây là vật chứng của vụ án, là chứng cứ có giá trị chứng minh cao có giá trị truy nguyên trong quá trình giải quyết các vụ án mua bán người.

- Chứng cứ thể hiện việc bóc lột nạn nhân như: lời khai của nạn nhân, các loại máy móc nông nghiệp, tàu thuyền đánh cá, máy móc thiết bị bóc lột mỏ, máy cắt vải, máy may, dược phẩm, máy tính để bàn và máy tính xách tay...

- Chứng cứ thể hiện điều kiện nơi nạn nhân sống hoặc bị bóc lột như: điện, khí đốt, nước, các hợp đồng, phương thức thanh toán... thể hiện điều kiện sinh sống của nạn nhân.

- Các phương tiện vận chuyển, có thể: xe đã mua hoặc thuê sử dụng vào việc bóc lột nạn nhân.

- Các chứng cứ thể hiện việc sử dụng thiết bị truyền thông như điện thoại cố định và điện thoại di động, địa chỉ email, máy nhắn tin, máy fax; xem xét toàn diện các hợp đồng, đặc điểm và chi tiết liên lạc, phương thức thanh toán, lịch sử đầy đủ của hợp đồng, lịch sử cuộc gọi... trong quá trình bóc lột nạn nhân. Cụ thể như: Các hồ sơ tài liệu liên quan đến điều khoản hợp đồng bóc lột nạn nhân, quy tắc và các quy định, bảng kê lương, hồ sơ thanh toán, chuyển tiền; các tài liệu giao dịch tài chính, giao dịch bất động sản; các tài khoản ngân hàng; lệnh chuyển tiền ...

2.2. Phương pháp đánh giá chứng cứ trong vụ án mua bán người

Phương pháp đánh giá chứng cứ các vụ án mua bán người chính là những cách thức, trình tự, kỹ năng... mà những chủ thể có thẩm quyền đánh giá thực hiện để xác định những chứng cứ có giá trị chứng minh sự thật vụ án mua bán người.

Để có thể đánh giá chứng cứ các vụ án mua bán người được khách quan, toàn diện và chính xác, hoạt động không thể thiếu của các chủ thể có thẩm quyền là xem xét các chứng cứ đã thu thập được. Đây chính là hoạt động kiểm tra chứng cứ thông qua việc xem xét từng chứng cứ thu thập được như: Lời khai của đối tượng tình nghi, lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; biên bản hỏi cung bị can; kết luận định giá; kết luận giám định; vật chứng thu giữ... xem chứng cứ ấy có phù hợp với hiện thực khách quan, có thể xảy ra trên thực tế hay không? Các chứng cứ có liên quan với nhau, liên quan phù hợp với tình tiết của vụ án mua bán người hay

không? Việc thu thập có đúng trình tự, thủ tục của BLTTHS hay không?...

Kiểm tra chứng cứ trong các vụ án mua bán người chính là việc các chủ thể có thẩm quyền tiến hành nghiên cứu, xem xét các chứng cứ đã thu thập được để xác định tính khách quan, liên quan và hợp pháp trong từng chứng cứ so với yêu cầu điều tra. Hoạt động kiểm tra chứng cứ là tiền đề để thực hiện hoạt động đánh giá chứng cứ, xác định giá trị chứng minh của từng chứng cứ trong mối liên hệ với nhau nhằm chứng minh vụ án một cách đầy đủ, toàn diện nhất.

Cũng như các vụ án hình sự khác, chứng cứ trong vụ án mua bán người phải được kiểm tra, đánh giá trên cơ sở xem xét từng nguồn chứng cứ và sự đối chiếu tổng thể các chứng cứ bằng việc sử dụng khả năng tư duy, vận dụng kiến thức pháp luật, niềm tin nội tâm, những kinh nghiệm nghiệp vụ trên cơ sở các quy định của pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự. Qua việc nghiên cứu, kiểm tra, xem xét, đánh giá các chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, xác định các chứng cứ đó có được thu thập theo đúng trình tự tố tụng hình sự hay không, việc thu thập có đảm bảo tính khách quan và có giá trị chứng minh các tình tiết liên quan đến vụ án thế nào.

Hoạt động đánh giá chứng cứ các vụ án mua bán người được các chủ thể có thẩm quyền đánh giá chứng cứ sử dụng bằng các phương pháp sau:

- *Đánh giá từng chứng cứ theo nhóm chứng cứ*

Là việc phân chia các chứng cứ theo từng nhóm dựa trên các chứng cứ đã thu thập được cụ thể như: Nhóm chứng cứ từ lời khai của những người tham gia tố tụng: Lời khai của đối tượng tình nghi, lời khai bị hại, người làm chứng, người

có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bị can, bị cáo...; Nhóm chứng cứ từ các kết luận của các cơ quan chuyên môn như: kết luận giám định chữ ký, chữ viết...; Nhóm chứng cứ thu thập được từ vật chứng thu giữ được trong vụ án như: phương tiện người phạm tội dùng để thực hiện hành vi mua bán người, giấy biên nhận, hóa đơn, chứng từ, vé tàu, xe, hợp đồng thuê xe, các hợp đồng, phương thức thanh toán..., chứng cứ được chuyển hóa từ dữ liệu điện tử từ thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự thành các tài liệu vật chất như in ra giấy, ghi ra băng đĩa hình hoặc tiếng để có thể đọc, nghe, hoặc nhìn thấy được...

Sau khi phân chia chứng cứ theo từng nhóm, cần kiểm tra từng chứng cứ trong nhóm để xác định các chứng cứ ấy có đảm bảo mang đầy đủ các thuộc tính hay không để đối chiếu, đánh giá xác định giá trị của từng chứng cứ có ý nghĩa gì trong việc chứng minh các tình tiết hoặc toàn bộ vụ án mua bán người.

- Đánh giá tổng hợp toàn bộ hệ thống chứng cứ

Để có đủ chứng cứ chứng minh làm sáng tỏ toàn bộ sự thật khách quan của các vụ án mua bán người, mỗi chứng cứ được kiểm tra, đánh giá phải được xem xét tổng hợp trên phương diện đánh giá toàn bộ hệ thống chứng cứ nhằm tái hiện vụ án mua bán người một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ nhất. Phương pháp đánh giá tổng hợp tất cả các chứng cứ trong hệ thống chứng cứ có trong hồ sơ vụ án phải đảm bảo mối liên hệ logic, có liên quan và có giá trị chứng minh làm sáng tỏ sự thật toàn bộ vụ án mua bán người.

Trong quá trình đánh giá chứng cứ,

các chủ thể có thẩm quyền phải nghiên cứu, phân tích nhận định một cách khách quan, toàn diện các chứng cứ thu thập được và diễn biến, tình tiết của vụ án, không chỉ tập trung vào hướng buộc tội mà phải xem xét, đánh giá theo cả hướng gỡ tội. Các chứng cứ buộc tội và gỡ tội phải được xem xét, đánh giá chính xác, toàn diện thông qua các nguồn chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Chứng cứ buộc tội là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị can, đồng phạm; chứng minh các tình tiết của vụ án thuộc đối tượng cần chứng minh làm rõ liên quan đến hành vi phạm tội của bị can, đồng phạm... Chứng cứ gỡ tội là chứng cứ chứng minh bị can không thực hiện hành vi phạm tội hoặc phạm tội nhẹ hơn so với tội phạm đã bị khởi tố thể hiện qua các chứng cứ đã được thu thập không liên quan, logic, không phù hợp với các tình tiết, diễn biến của vụ án.

Trong quá trình đánh giá chứng cứ các vụ án mua bán người, các chủ thể có thẩm quyền đánh giá chứng cứ phải đảm bảo một số yêu cầu cơ bản như: Việc kiểm tra, đánh giá chứng cứ phải dựa vào các yếu tố cấu thành tội phạm và những vấn đề cần chứng minh trong vụ án mua bán người; hoạt động đánh giá chứng cứ phải được tiến hành gắn với việc thu thập và sử dụng chứng cứ của vụ án, đảm bảo tính khách quan, thận trọng, chính xác.

Như vậy, hoạt động đánh giá chứng cứ các vụ án mua bán người phải được tiến hành đồng thời trong một thể thống nhất. Trong đó, thu thập chứng cứ là việc làm trước hết, là tiền đề cho hoạt động kiểm tra để đánh giá chứng cứ và cuối cùng là sử dụng chứng cứ để chứng minh làm sáng tỏ sự thật vụ án mua bán người./.